

Bản án số: 166 /2025/ HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 6 -2025

“V/v Ly hôn giữa anh T và chị S”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

2. Ông **NGUYỄN VĂN BỘ**

*- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Ông **Trần Quang T**, sinh ngày 01/5/1979.*

Địa chỉ: số 403A, tổ 21, khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn: Bà **Đào Thị Mỹ S**, sinh ngày 05/9/1987.*

Địa chỉ: số 472A, tổ 24, khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Ông T xin vắng mặt, bà S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn ông **Trần Quang T** trình bày:* Do quen biết và được gia đình đồng ý nên ông và bà S tiến đến hôn nhân năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cãi nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Con chung, tài sản chung, nợ chung không có.

Ông T yêu cầu được ly hôn với bà S.

- Bị đơn bà Đào Thị Mỹ S dù được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn bà S. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự: Nguyên đơn ông Trần Quang T có đơn xin giải quyết vắng mặt, đối với bà Đào Thị Mỹ S dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, ông T và bà S tiến đến hôn nhân năm 2019 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, ông bà chung sống hạnh phúc thời gian ngắn đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường hay cãi nhau. Ông T xác định không còn tình cảm với bà S nên kiên quyết ly hôn. Đối với bà S dù được triệu tập hoà giải, xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt chứng tỏ bà không còn thiết tha đoàn tụ với ông T. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho ông T được ly hôn với bà S là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Quang T.

1. Về hôn nhân: Cho ông Trần Quang T được ly hôn với bà Đào Thị Mỹ S.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Ông Trần Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001510 ngày 08/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Ông T, bà S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

